

Số: 154/VBCB-TTYT

Bum Tở, ngày 08 tháng 9 năm 2025

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu
là cơ sở hướng dẫn thực hành**

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Lai Châu

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Trung tâm Y tế Mường Tè

Số giấy phép hoạt động: 000083/LCH-GPHĐ

Cơ quan cấp: Sở Y tế tỉnh Lai Châu, ngày 21 tháng 8 năm 2025

Địa chỉ: Bản Mẩn - xã Bum Tở - Tỉnh Lai Châu

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Lò Thế Khánh

Điện thoại liên hệ: 0973.257.100

Email: trungtamytemuongte@gmail.com.

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sỹ đa khoa, Bác sỹ y học cổ truyền, Y sỹ đa khoa, Y sỹ y học cổ truyền, Điều dưỡng, Kỹ thuật viên phục hồi chức năng Kỹ thuật viên Y học, Nữ hộ sinh.
 2. Danh sách người hướng dẫn thực hành (có danh sách kèm theo).
 3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác: Không
 4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: 100 người
 5. Chi phí hướng dẫn thực hành: Theo quy định hiện hành
- Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

GIÁM ĐỐC



Lò Thế Khánh

DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH TẠI TRUNG TÂM Y TẾ MƯỜNG TÈ

(Kèm theo bản công bố số: 154/VBCB-TTYT ngày 08/9/2025 của TTYT Mường Tè)

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Chức vụ/ khoa
1	Lò Thế Khánh	0001352/LCH-CCHN	BS KCB đa khoa, CK I Ngoại	Bác sĩ CKI /Giám đốc
2	Đào Thị An	0001967/LCH-CCHN	BS KCB đa khoa, siêu âm TQ	Bác sĩ CKI /P Giám đốc
3	Nguyễn Thành Lê	0000138/LCH-CCHN	KCB đa khoa	Bác sĩ CKI /P Giám đốc
4	Lò Thị Vân	0001758/LCH-CCHN	KCB đa khoa	Bác sĩ CKI khoa khám bệnh
5	Trần Thị Sự	0001101/LCH-CCHN	KCB đa khoa	Bác sĩ khoa khám bệnh
6	Pờ Quỳnh Nga	001235/LCH-CCHN	BS KCB đa khoa	Bác sĩ khoa khám bệnh
7	Lùng Thị Thùy	002786/LCH-CCHN	KCB đa khoa	Bác sĩ khoa khám bệnh
8	Đào Thị Thanh	001675/LCH-CCHN	BS KCB đa khoa	Bác sĩ CKI khoa Nội YHCT
9	Đào Văn Hùng	0001181/LCH-CCHN	BS đa khoa	Bác sĩ CKI /Trưởng khoa
10	Nguyễn Văn Sơn	0001083/LCH-CCHN	Điều dưỡng viên	Khoa Nội YHCT
11	Hoàng Văn Luận	0001093/LCH-CCHN	Điều dưỡng viên	Khoa HS - GM - PT
12	Nguyễn Thị Lan	0001089/LCH-CCHN	BS đa khoa	Bác sĩ khoa Nội YHCT
13	Hà Văn Thành	001799/LCH-CCHN	BS đa khoa	Bác sĩ khoa Nội YHCT
14	Chu Cà Phạ	0001088/LCH-CCHN	BS đa khoa	Bác sĩ khoa Nội YHCT
15	Nguyễn Thế Quảng	0001023/LCH-CCHN	Điều dưỡng viên	Khoa Nội YHCT

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Chức vụ/ khoa
16	Nguyễn Thị Hòa	001660/LCH-CCHN	Điều dưỡng viên	Khoa Nội YHCT
17	Lý Thị Chung	0001106/LCH-CCHN	BS đa khoa	Khoa Truyền nhiễm
18	Lùng Thị Đại	0001107/LCH-CCHN	BS đa khoa	Khoa Truyền nhiễm
19	Bùi Thị Bích Nguyệt	0001084/LCH-CCHN	Điều dưỡng viên	Khoa Truyền nhiễm
20	Vũ Thị Tố Uyên	0001092/LCH-CCHN	Điều dưỡng viên	Khoa Truyền nhiễm
21	Trần Thị Huệ	0001081/LCH-CCHN	BS đa khoa	Bác sĩ CKI Khoa Nhi
22	Séng Thị Dinh	0001936/LCH-CCHN	BS đa khoa	Bác sĩ Khoa Nhi
23	Nguyễn Thị Thu Hiền	0001080/LCH-CCHN	Điều dưỡng viên	Khoa Nhi
24	Hà Thị Luận	0001024/LCH-CCHN	Điều dưỡng viên	Khoa Nhi
25	Nguyễn Thị Mai	0001025/LCH-CCHN	Điều dưỡng viên	Khoa Nhi
26	Đỗ Công Huyền	0001094/LCH-CCHN	BS CKI	Trưởng khoa Khoa Ngoại - LCK
27	Chu Pó Xá	000026/LCH-CCHN	BS CKI	Khoa Ngoại - LCK
28	Lý Cà Ly	0001096/LCH-CCHN	BS CKI	Khoa Ngoại - LCK
29	Lù Chóng Ly	0001759/LCH-CCHN	BS CKI	Khoa Ngoại - LCK
30	Nguyễn Văn Thiện	0002795/LCH-CCHN	BS đa khoa	Khoa Ngoại - LCK
31	Vũ Văn Trung	0001163/LCH-CCHN	Điều dưỡng viên	Khoa Ngoại - LCK
32	Vũ Thị Huệ	0002215/LCH-CCHN	Điều dưỡng viên	Khoa Ngoại - LCK

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Chức vụ/ khoa
33	Tổng Thị Tiên	0001091/LCH-CCHN	Điều dưỡng viên	Khoa Ngoại - LCK
34	Lùng Thị Thùy	001658/LCH-CCHN	Điều dưỡng viên	Khoa Ngoại - LCK
35	Bùi Văn Tín	0001932/LCH-CCHN	Điều dưỡng viên	Khoa Ngoại - LCK
36	Lý Thị Thuận	001678/LCH-CCHN	BS CKI	Trưởng Khoa Phụ sản
37	Mào Hồng Thẩm	002277/LCH-CCHN	BS đa khoa	Khoa Phụ sản
38	Trương Thị Lan	0001095/LCH-CCHN	Điều dưỡng viên	Khoa Phụ sản
39	Lý Thị Vân	0001115/LCH-CCHN	Nữ Hộ sinh	Khoa Phụ sản
40	Chim Thị Hạnh	0001113/LCH-CCHN	Nữ Hộ sinh	Khoa Phụ sản
41	Lý Thị Hiền	000299/LCH-CCHN	BS đa khoa	Trưởng Khoa Cận lâm sàng
42	Lường Thị Mai	0001110/LCH-CCHN	Đại học Xét nghiệm	Khoa Cận lâm sàng
43	Lê Thanh Huế	0001112/LCH-CCHN	Cao đẳng Xét nghiệm	Khoa Cận lâm sàng
44	Chu Lý Mế	0002785//LCH-CCHN	Cao đẳng Xét nghiệm	Khoa Cận lâm sàng
45	Vàng A Giàng	0002223/LCH-CCHN	Xquang	Khoa Cận lâm sàng
46	Mào Thị Kim Oanh	0001103/LCH-CCHN	KCB đa khoa	Trưởng trạm Y tế xã Mường Tè
47	Lò Thị Dinh	000629/LCH-CCHN	BS ĐK	Trạm Y tế xã Mường Tè
48	Lù Văn Sơn	002578/LCH-CCHN	BS đa khoa	Trạm Y tế xã Mường Tè
49	Bùi Văn Don	001640/LCH-CCHN	KCB đa khoa	Trưởng trạm Y tế xã Thu Lũm



STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Chức vụ/ khoa
50	Chang Pé Cà	0001935/LCH-CCHN	YS KCB thông thường chức danh y sỹ	Trạm Y tế xã Thu Lũm
51	Quảng Thị Nhâm	0001957/LCH-CCHN	Nữ Hộ sinh	Trạm Y tế xã Thu Lũm
52	Nùng Thị Y	0001952/LCH-CCHN	YS KCB thông thường chức danh y sỹ	Trạm Y tế xã Thu Lũm
53	Pờ Nhù Lan	0001953/LCH-CCHN	YS KCB thông thường chức danh y sỹ	Trạm Y tế xã Thu Lũm
54	Vũ Thị Hoà	0001931/LCH-CCHN	YS KCB thông thường chức danh y sỹ	Trạm Y tế xã Bum Nưa
55	Bùi Thị Hồng Hạnh	0001099/LCH-CCHN	BS đa khoa	Trưởng trạm y tế xã Bum Nưa
56	Hoàng Thị Oanh	0001922/LCH-CCHN	YS KCB thông thường chức danh y sỹ	Trạm Y tế xã Bum Nưa
57	Phạm Tiến Công	0001945/LCH-CCHN	YS KCB thông thường chức danh y sỹ	Trạm Y tế xã Bum Tở
58	Lê Quang Hiền	0001946/LCH-CCHN	YS KCB thông thường chức danh y sỹ	Trạm Y tế xã Bum Nưa
59	Lò Thị Hiệu	001673/LCH-CCHN	Nữ Hộ sinh	Trạm Y tế xã Mường Tè
60	Đao Thị Cúc	002278/ LCH-CCHN	YS KCB thông thường chức danh y sỹ	Trạm Y tế xã Mường Tè
61	Chu Truy Lòng	0001928/LCH-CCHN	YS KCB thông thường chức danh y sỹ	Trạm Y tế xã Mù Cả
62	Khoảng Xi Mé	0001917/LCH-CCHN	YS KCB thông thường chức danh y sỹ	Trạm Y tế xã Mù Cả

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Chức vụ/ khoa
63	Phùng Ha Lớ	0002210/LCH-CCHN	YS KCB thông thường chức danh y sỹ	Trạm Y tế xã Mù Cả
64	Mạ Mụ Giá	0001956/LCH-CCHN	YS KCB thông thường chức danh y sỹ	Trạm Y tế xã Tà Tổng
65	Quảng Thị Nhâm	0001957/LCH-CCHN	Nư Hộ sinh	Trạm Y tế xã Thu Lũm
66	Chu Go Phạ	0001371/LCH-CCHN	YS KCB thông thường chức danh y sỹ	Trạm Y tế xã Thu Lũm
67	Lý Phù Phạ	0002203/LCH-CCHN	YS KCB thông thường chức danh y sỹ	Trạm Y tế xã Thu Lũm
68	Phạm Thị Liên	0001114/LCH-CCHN	YS KCB thông thường chức danh y sỹ	Trạm Y tế xã Bum Tở
69	Bùi Thị Thảo	001665/LCH-CCHN	Nữ Hộ sinh	Trạm Y tế xã Bum Tở
70	Pờ Chà Phòng	001662/LCH-CCHN	YS KCB thông thường chức danh y sỹ	Trạm Y tế xã Bum Tở
71	Lò Văn Sai	002252/LCH-CCHN	KCB đa khoa	Khoa Khám bệnh
72	Sùng A Cửa	002491/LCH-CCHN	KCB đa khoa	Khoa Phụ Sản
73	Lù A Dơ	0001916/LCH-CCHN	YS KCB thông thường chức danh y sỹ	Trạm Y tế xã Tà Tổng
74	Tổng Văn Khắc	0002208/LCH-CCHN	Bác sỹ đa khoa	Trưởng trạm Y tế xã Tà Tổng
75	Nguyễn Văn Dân	000049/LCH-GPHN	Bác sỹ đa khoa	Phó trưởng Trạm Y tế xã Tà Tổng
76	Sùng A Nhà	002279/LCH-CCHN	YS KCB thông thường chức danh y sỹ	Trạm Y tế xã Tà Tổng



STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Chức vụ/ khoa
77	Lý Hà Giá	0001934/LCH-CCHN	YS KCB thông thường chức danh y sỹ	Trạm Y tế xã Pa Ủ
78	Lý Thị Nhiêu	0001913/LCH-CCHN	Nữ Hộ sinh	Trạm Y tế xã Pa Ủ
79	Lù Thị Tom	002796/LCH-CCHN	KCB đa khoa	Trạm Y tế xã Pa Ủ
80	Lò Văn Học	0002201/LCH-CCHN	YS KCB thông thường chức danh y sỹ	Trạm Y tế xã Pa Ủ
81	Khoàng Hà Tư	0001943/LCH-CCHN	YS KCB thông thường chức danh y sỹ	Trạm Y tế xã Bum Nura
82	Lò Xé Chừ	002251/ LCH-CCHN	KCB đa khoa	Khoa Hồi sức - Gây mê - PT
83	Bùi Thị Trang	0001925/LCH-CCHN	YS KCB thông thường chức danh y sỹ	Trạm Y tế xã Pa Ủ
84	Lý Ly Xuân	0001912/LCH-CCHN	YS KCB thông thường chức danh y sỹ	Trạm Y tế xã Pa Ủ
85	Sùng Thị Dợ	002787/LCH-CCHN	BS ĐK đa khoa	Trạm Y tế xã Pa Ủ
86	Chu Hà Cà	001668/LCH-CCHN	YS KCB thông thường chức danh y sỹ	Trạm Y tế xã Pa Ủ
87	Hà Văn Quý	128/ LCH- CCHND	Dược sỹ ĐH	Trưởng Khoa Dược
88	Lý Go Lớ	084/CCHN - D - SYT - LCH	Dược sỹ ĐH	Phó trưởng khoa Dược
89	Đào Thị Phúc	126/CCHN - D - SYT - LCH	Dược sỹ TH	Khoa Dược
90	Lường Văn Minh	417/CCHN - D - SYT - LCH	Dược sỹ TH	Khoa Dược

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Chức vụ/ khoa
91	Dương Duy Phương	083/CCHN - D - LCH	Dược sỹ ĐH	Khoa Dược
92	Phạm Hữu Tùng	1535/ LCH- CCHND	Dược sỹ TH	Khoa Dược
93	Bùi Thị Kim Anh	494/CCHN - D - SYT - LCH	Dược sỹ ĐH	Khoa Dược
94	Nguyễn Thị Thủy	024/CCHN - D - LCH	Dược sỹ TH	Khoa Dược

CHUYÊN